

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 10 năm 2026

Dự báo nguồn nước, xây dựng kế hoạch phân phối, sử dụng nước trong công trình thủy lợi, phục vụ sản xuất nông nghiệp, phòng chống hạn hán, xâm nhập mặn, ngập lụt, úng vùng Đồng bằng sông Cửu Long mùa lũ năm 2026

BẢN TIN TUẦN 14
DIỄN BIẾN NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 30/9/2026, DỰ BÁO
NGUỒN NƯỚC TỪ NGÀY 01/10 ĐẾN NGÀY 10/10/2026

I DIỄN BIẾN THỜI TIẾT, SẢN XUẤT, NGUỒN NƯỚC ĐẾN NGÀY 30/9/2026

1.1 Diễn biến thời tiết

1.1.1 Diễn biến mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả quan trắc của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Đặc trưng thời tiết từ ngày 22/9 – 29/9/2026, trên lưu vực sông Mê Công ảnh hưởng chủ yếu bởi gió mùa Tây Nam. Hình thái thời tiết này gây mưa ở mức thấp trên lưu vực, lượng mưa biến đổi phổ biến từ 25 – 100 mm, một số nơi trên 100 mm, [xem Hình 2].

1.1.2 Diễn biến mưa trên vùng ĐBSCL

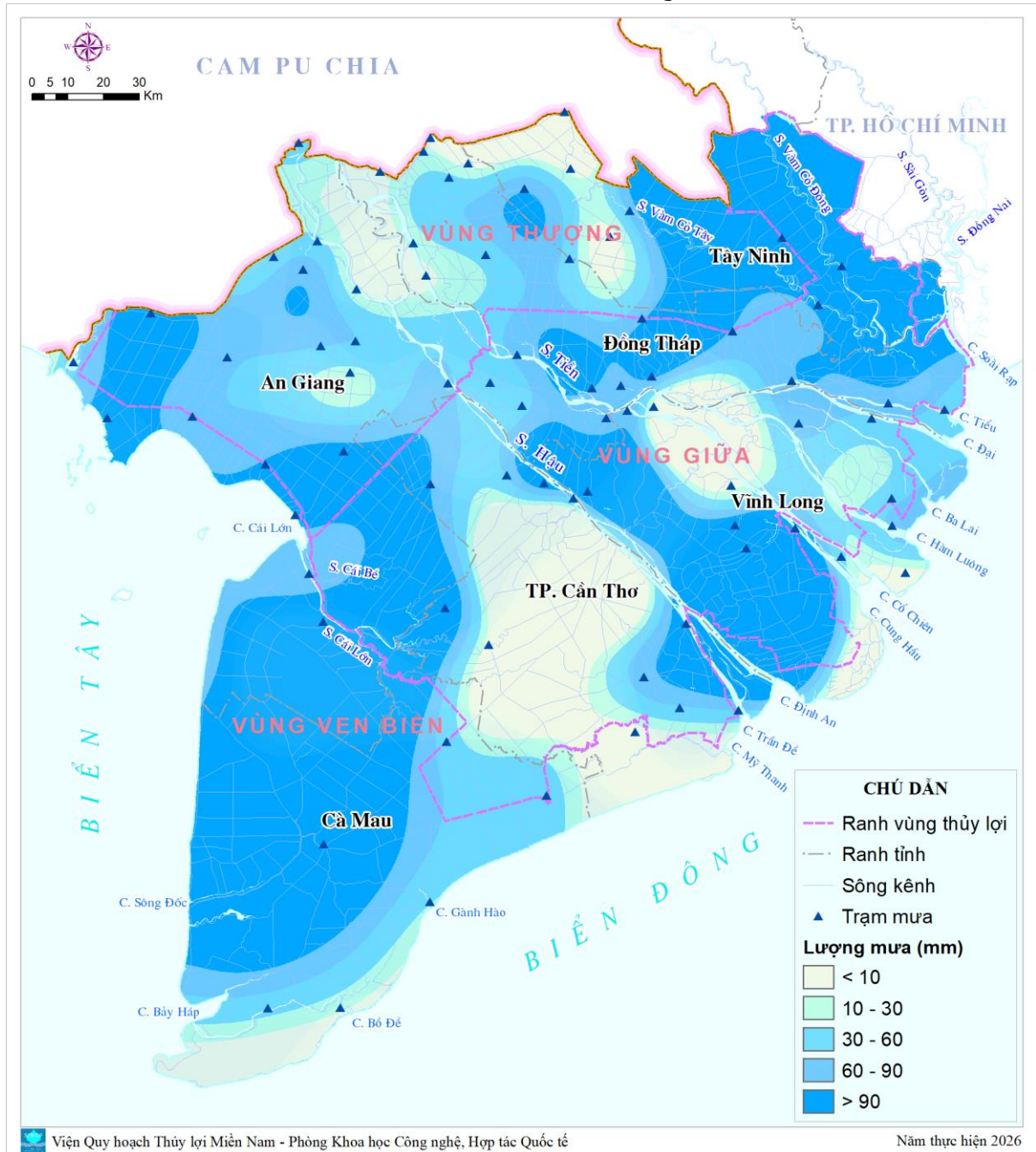
Lượng mưa lũy tích từ ngày 23/9 – 30/9/2026 trên vùng ĐBSCL ở mức khá cao và phân bố không đều, lượng mưa phổ biến từ 80 - 150 mm, một số nơi lượng mưa trên 150 mm, điển hình trạm Cà Mau lượng mưa tuần qua đạt 178,8 mm, [xem Bảng 1 và Hình 1].

Bảng 1. Lượng mưa ngày thực đo tuần qua tại các trạm chính trên vùng ĐBSCL

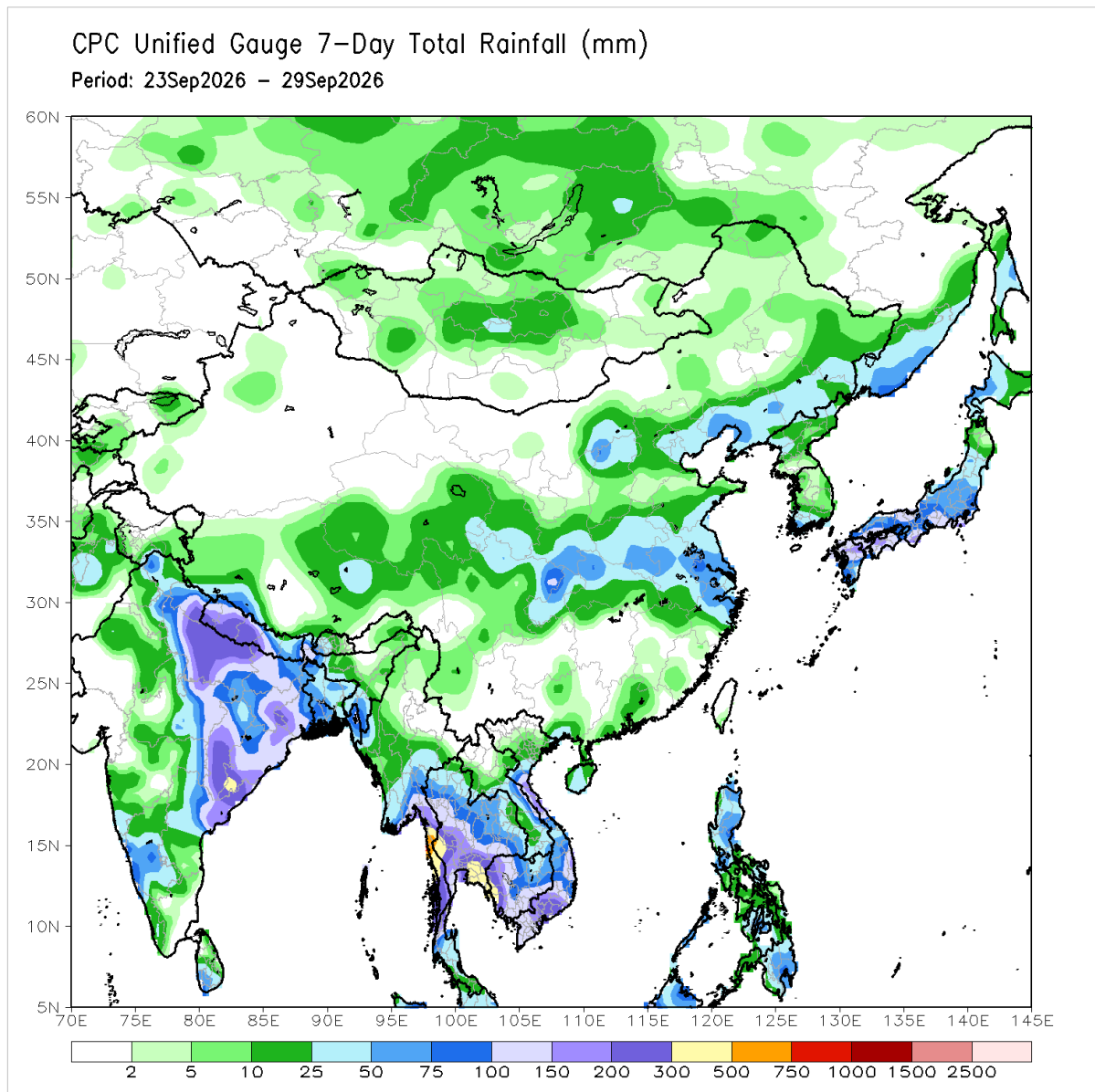
TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			24/9	25/9	26/9	27/9	28/9	29/9	30/9	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	0,0	0,0	47,8	1,3	1,3	13,1	5,4	68,9
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	3,0	2,0	30,8	0,8	1,1	0,1	50,0	87,8
3	Bến Tre	Vĩnh Long	4,6	0,6	1,8	9,2	0,0	1,6	53,0	70,8
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	19,4	0,0	0,0	0,2	41,7	28,5	28,9	118,7
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	5,0	1,2	19,0	34,6	16,0	0,0	7,2	83,0
6	Cao Lãnh	Cần Thơ	7,8	0,4	6,0	0,8	1,6	0,0	50,6	67,2
7	Vị Thanh	Cần Thơ	48,2	1,0	33,0	29,8	17,4	0,0	3,0	132,4

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa thực đo (mm)							Lũy tích tuần
			24/9	25/9	26/9	27/9	28/9	29/9	30/9	
8	Cần Thơ	Cần Thơ	13,4	0,0	7,6	11,6	9,0	1,9	28,2	71,7
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	26,6	1,0	0,2	1,6	0,0	0,4	47,0	76,8
10	Rạch Giá	An Giang	79,4	7,2	0,0	0,0	13,2	2,6	4,4	106,8
11	Bạc Liêu	Cà Mau	13,2	5,6	0,0	8,4	0,0	0,0	18,4	45,6
12	Cà Mau	Cà Mau	33,1	7,0	53,7	79,0	0,0	5,9	0,0	178,7
Trung bình			21,1	2,2	16,7	14,8	8,4	4,5	24,7	92,4

Nguồn: Đài KTTV Khu vực Nam bộ



Hình 1. Bản đồ mưa lũy tích từ ngày 24/9 - 30/9/2026 trên vùng ĐBSCL

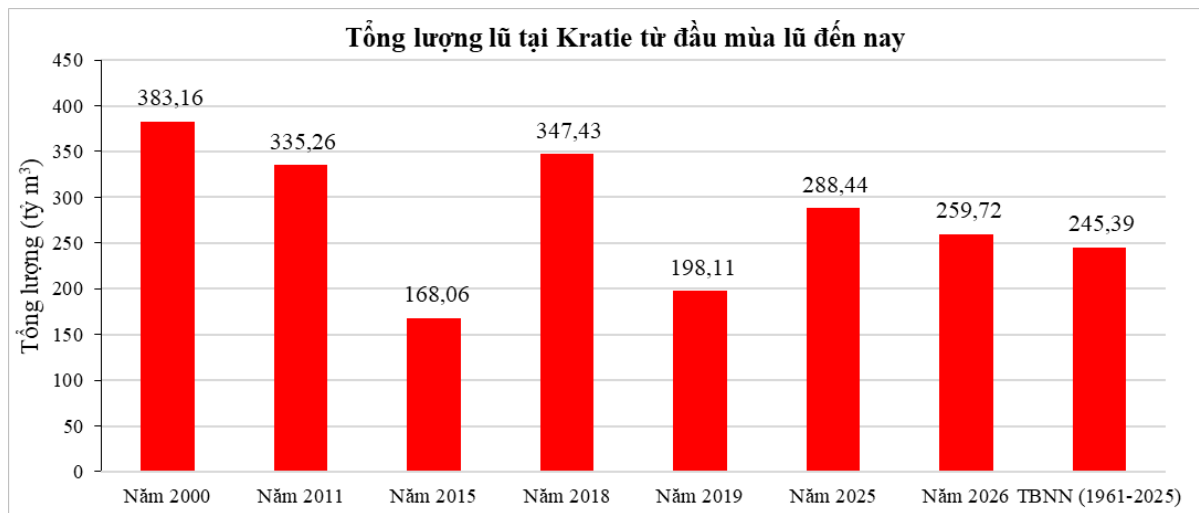


Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>

Hình 2. Bản đồ mưa lũy tích tuần từ ngày 23/9 - 29/9/2026 trên lưu vực sông Mê Công

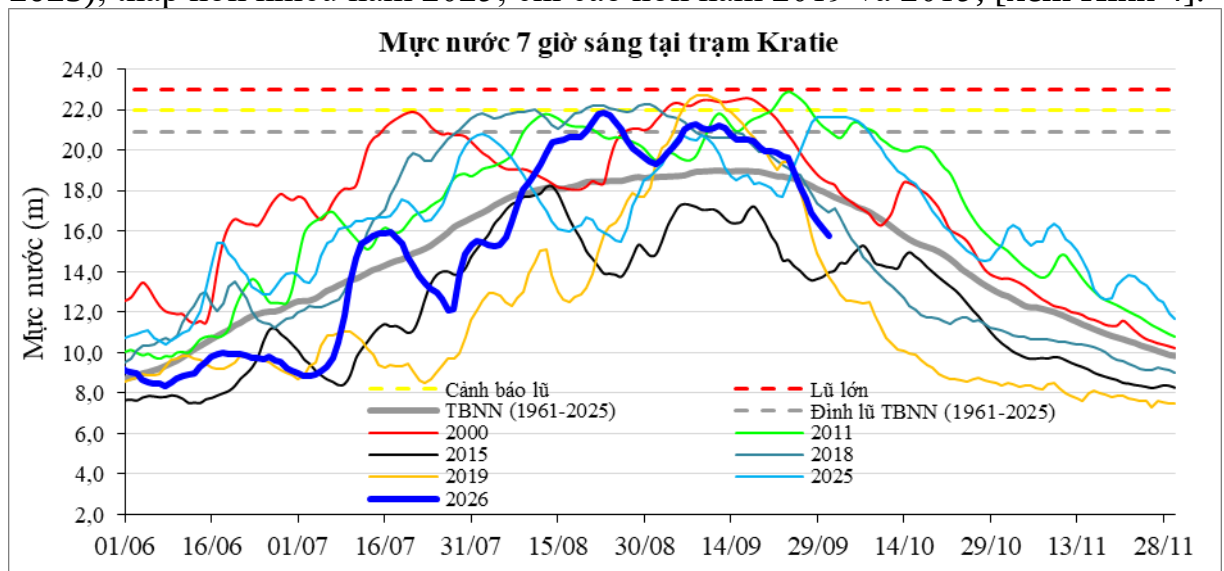
1.2 Diễn biến nguồn nước vào vùng ĐBSCL đến ngày 30/9/2026

Tại Kratie: Tổng lượng lũ từ ngày 01/6 đến 01/10/2026 tại Kratie đạt khoảng 259,72 tỷ m³. So với cùng kỳ: lớn hơn TBNN(1961-2025) khoảng 6%; nhỏ hơn năm 2025 khoảng 10%; nhỏ hơn nhiều các năm 2018, 2000, 2011, [xem Hình 3].



Hình 3. Tổng lượng lũ tại Kratie từ 01/6 đến ngày 01/10/2026

Mức nước tại Kratie trong tuần qua ở mức thấp và có xu thế giảm mạnh với cường suất trung bình 52 cm/ngày. Đến ngày 01/10/2026 mức nước lúc 7 giờ đo được tại Kratie là 15,74 m. So với cùng kỳ: thấp hơn khá nhiều TBNN (1961-2025); thấp hơn nhiều năm 2025; chỉ cao hơn năm 2019 và 2015, [xem Hình 4].

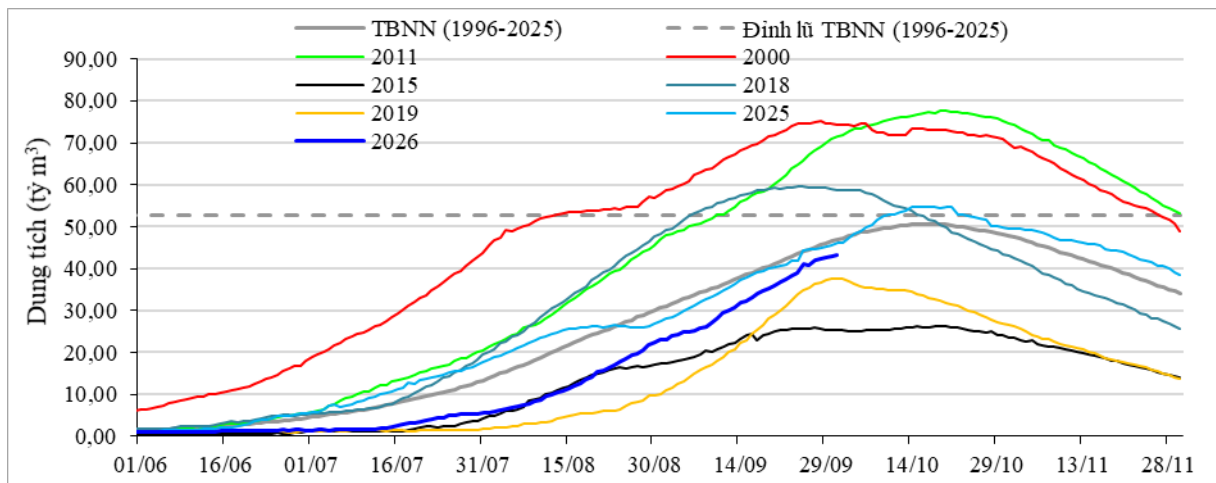


Hình 4. Diễn biến mực nước tại Kratie đến ngày 01/10/2026

Tại Biển Hồ: Dung tích Biển Hồ tuần qua ở mức thấp và có xu thế tăng. Đến ngày 01/10/2026 dung tích đạt 43,17 tỷ m³. So với cùng kỳ: thấp hơn TBNN (1961-2025) và năm 2025 từ 6-8%; thấp hơn nhiều các năm 2018, 2000 và 2011; chỉ cao hơn khá nhiều năm 2015 và năm 2019, [xem Bảng 2 và Hình 5].

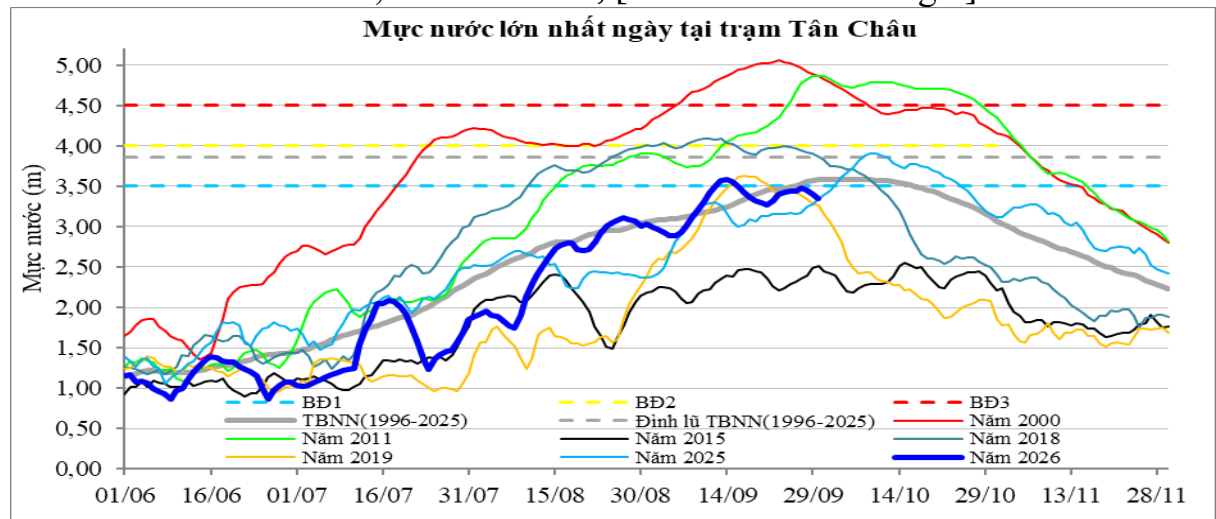
Bảng 2. Mức nước và dung tích Biển Hồ đến ngày 01/10/2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

TT	Đặc trưng mực nước & dung tích	Mức nước và dung tích Biển Hồ							
		2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	TBNN (1996-2025)
1	Mức nước (m)	7,74	8,02	7,21	9,11	5,86	10,09	10,30	8,11
	<i>So sánh cùng kỳ các năm</i>		-0,28	0,53	-1,37	1,88	-2,35	-2,56	-0,37
2	Dung tích (tỷ m ³)	43,17	46,09	37,69	58,80	25,31	71,42	74,32	47,01
	<i>So sánh cùng kỳ các năm</i>		-2,92	5,48	-15,63	17,86	-28,25	-31,15	-3,84



Hình 5. Diễn biến dung tích Biển Hồ đến ngày 01/10/2026

Tại Tân Châu: Mức nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mức nước tại trạm Tân Châu trong tuần qua có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường vào ngày đến ngày 27/9 ở mức 3,48 m (thấp hơn đỉnh ngày 14/9 là 0,10 m), mức nước sau đó giảm trở lại theo triều. Mức nước lớn nhất ngày 30/9/2026 đạt 3,35 m. So với cùng kỳ: thấp hơn TBNN (1996-2025) 0,23 m; xấp xỉ năm 2025; cao hơn năm 2019 0,09 m; cao hơn nhiều năm 2015; nhưng thấp hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018, [xem Hình 6 và Bảng 3].



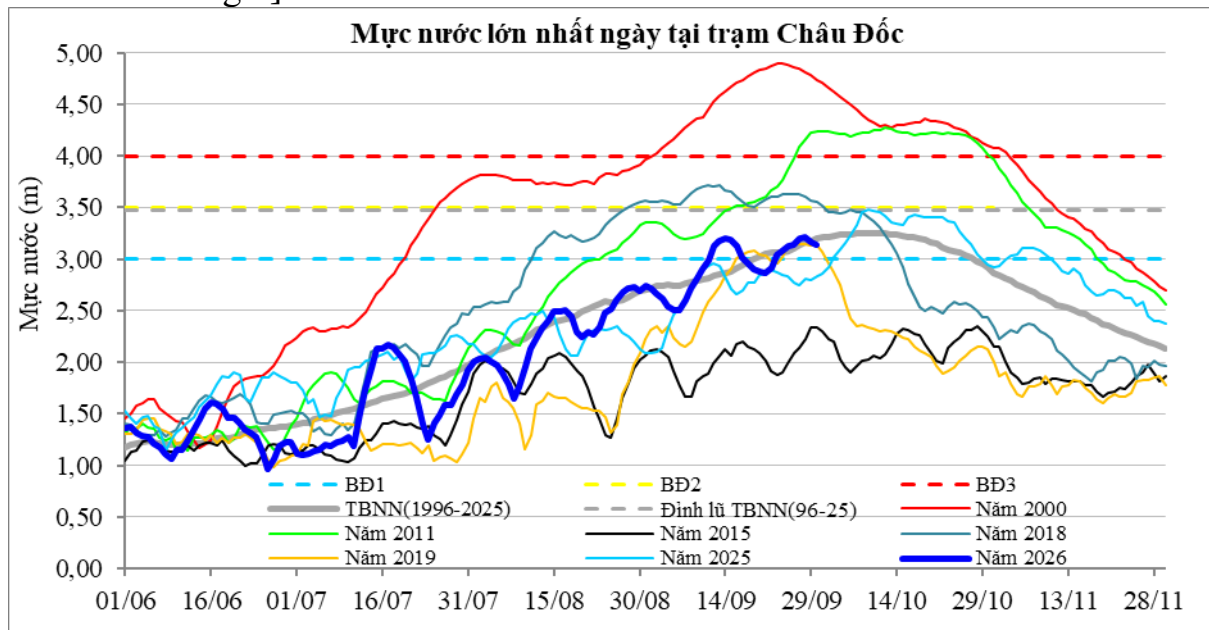
Hình 6. Diễn biến mực nước Max ngày tại trạm Tân Châu đến ngày 30/9/2026

Bảng 3. Mức nước Max ngày tuần qua tại trạm Tân Châu năm 2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
24/9	3,43	3,16	3,42	3,99	2,23	4,44	5,04	3,47	-0,04	0,27
25/9	3,44	3,17	3,47	3,98	2,29	4,55	5,02	3,49	-0,05	0,27
26/9	3,44	3,15	3,42	3,97	2,31	4,67	4,99	3,51	-0,07	0,29
27/9	3,48	3,17	3,39	3,95	2,36	4,77	4,97	3,54	-0,06	0,31
28/9	3,45	3,25	3,34	3,92	2,40	4,82	4,92	3,56	-0,11	0,20
29/9	3,40	3,28	3,29	3,90	2,48	4,86	4,89	3,57	-0,17	0,12
30/9	3,35	3,34	3,26	3,87	2,51	4,86	4,86	3,58	-0,23	0,01

Tại Châu Đốc: Mức nước chịu ảnh hưởng bởi cả lũ thượng nguồn và thủy triều. Mức nước tại trạm Châu Đốc trong tuần qua có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường vào ngày đến ngày 28/9 ở mức 3,21 m (cao hơn đỉnh ngày 14/9 là 0,01 m, nhiều khả năng đây là đỉnh lũ của năm 2026), mức nước sau đó giảm trở lại theo triều. Mức nước lớn nhất ngày 30/9/2026 đạt 3,14 m. So với cùng kỳ: thấp hơn TBNN (1996-2025) 0,06 m; cao hơn năm 2025 0,31 m; xấp xỉ năm 2019; cao hơn nhiều năm 2015; nhưng thấp hơn nhiều các năm 2000, 2011 và 2018, [xem Hình 7 và Bảng 4].



Hình 7. Diễn biến mực nước Max ngày tại trạm Châu Đốc đến ngày 30/9/2026

Bảng 4. Mức nước Max ngày tuần qua tại trạm Châu Đốc năm 2026 so với cùng kỳ các năm điển hình

Đơn vị: m

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
24/9	3,08	2,85	3,02	3,63	1,90	3,76	4,89	3,06	0,02	0,23

Ngày	2026	2025	2019	2018	2015	2011	2000	Hmax ngày TBNN (1996-2025)	Chênh lệch 2026-TBNN	Chênh lệch 2026-2025
25/9	3,12	2,83	3,13	3,63	1,99	3,86	4,88	3,08	0,04	0,29
26/9	3,14	2,77	3,14	3,63	2,09	3,98	4,86	3,10	0,04	0,37
27/9	3,20	2,75	3,15	3,63	2,14	4,09	4,84	3,14	0,06	0,45
28/9	3,21	2,81	3,15	3,60	2,23	4,16	4,81	3,17	0,04	0,40
29/9	3,16	2,80	3,13	3,57	2,34	4,22	4,78	3,18	-0,02	0,36
30/9	3,14	2,83	3,13	3,56	2,34	4,24	4,74	3,20	-0,06	0,31

1.3 Diễn biến mực nước nội đồng vùng ĐBSCL

1.3.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Mực nước trong tuần qua ở mức khá cao, có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường vào các ngày 27-28/9, mực nước phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và cao hơn BĐI. Riêng các trạm Trường Xuân (tỉnh Đồng Tháp) và trạm Mộc Hóa (tỉnh Tây Ninh) mực nước biến đổi phổ biến trên mức BĐII, trạm Long Xuyên (tỉnh An Giang) trên BĐIII 0,24 m. Mực nước sau đó có xu thế giảm trở lại theo triều, [xem Bảng 5].

Bảng 5. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (24/9-30/9/2026) trên vùng Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	3,48→3,35	↓
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	3,08→3,21	↑
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Tây Ninh	K. Sông Trăng	-	
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Tây Ninh	K. Cái Cỏ	2,20→2,39	↑
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	2,43→2,62	↑
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	K. 28	2,40→2,42	↑
7	Mộc Hóa	Mộc Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,63→1,72	↑
8	Tuyên Nhơn	Thanh Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,12→1,27	↑
9	T.Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	3,75→3,65	↓
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	3,20→3,14	↓
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	-	
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	-	
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	3,06→3,16	↑
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	2,16→2,26	↑
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,75→1,94	↑
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	3,28→3,18	↓
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	4,48→4,30	↓
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	1,83→2,04	↑

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,76→2,95	↑
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,39→2,74	↑
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,80→1,77	↓
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,56→1,53	↓
23	Hòa Điền	Kiên Lương	An Giang	K. RG - Hà Tiên	-	
24	Ba Thê	Hòn Đất	An Giang	K. Ba Thê	-	

Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia; -: Không có số liệu
Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Mức nước trong tuần qua ở mức cao, có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường vào các ngày 27-28/9, mức nước phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và cao hơn BĐIII từ 0,05-0,20 m. Riêng trạm Cần Thơ (TP. Cần Thơ), trạm Mỹ Thuận (tỉnh Vĩnh Long) đỉnh kỳ triều cường vượt BĐIII từ 0,23-0,28 m. Mức nước sau đó có xu thế giảm trở lại theo triều, [xem Bảng 6].

Bảng 6. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (03/9-09/9/2026) trên vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	1,79→2,23	↑
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,69→2,08	↑
3	Tân Lập	Tân Long	Tây Ninh	K. Bo Bo	-	
4	Bến Lức	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	1,21→1,47	↑
5	Tân An	P. Long An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,45→1,70	↑
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Đồng Tháp	K. 12	1,52→1,78	↑
7	Long Định	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	1,16→1,43	↑
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	1,39→1,76	↑
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	1,10→1,44	↑
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,61→1,99	↑
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,33→1,67	↑
12	G1	Châu Thành	Vĩnh Long	S. Giao Hòa	-	
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	2,17→2,51	↑
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	2,08→2,31	↑
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	-	
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	-	
18	G4	Tân An	Vĩnh Long	S. An Trường	-	
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	1,11→1,13	↑

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	-	
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,33→1,39	↑
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	0,91→0,99	↑
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,49→1,76	↑
24	Đại Ngãi	Long Phú	Cần Thơ	S. Hậu	1,43→1,97	↑
25	G5	P. Ngã Năm	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp	-	
26	Phước Long	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	1,13→1,07	↓
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.3.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Mức nước trong tuần qua ở mức khá cao, có xu thế tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường vào các ngày 27-28/9, mức nước phổ biến cao hơn cùng kỳ năm 2025 và phổ biến từ BDI-BDII và trên BDII, chỉ riêng trạm Cà Mau (tỉnh Cà Mau) mức nước trên BDIII. Mức nước sau đó có xu thế giảm trở lại theo triều, [xem Bảng 7].

Bảng 7. Diễn biến mực nước Max ngày tuần qua (03/9-09/9/2026) trên vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	1,24→1,61	↑
2	An Thuận	Tân Thủy	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,13→1,47	↑
3	Bến Trại	Thanh Phong	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,29→1,68	↑
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,56→1,89	↑
5	VB1	Đôn Châu	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bó	-	
6	Trần Đề	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,74→2,23	↑
7	VB2	P. Khánh Hòa	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	-	
8	VB4	Giá Rai	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu	-	
9	VB3	P. Bạc Liêu	Cà Mau	S. Bạc Liêu	-	
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	1,15→1,21	↑
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,05→1,60	↑
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	0,75→0,91	↑
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	-	
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,59→0,73	↑
15	Xẻo Rô	Châu Thành	An Giang	S. Cái Lớn	0,60→0,79	↑
16	Vàm Răng	Hòn Đất	An Giang	K. RG - Hà Tiên	1,03→1,24	↑
17	Vàm Rây	Hòn Đất	An Giang	K. HT - Rạch Giá	1,11→1,05	↓

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H_max thực đo	Xu thế
18	VB7	An Minh	An Giang	K. Cán Gáo	-	
19	VB6	Vĩnh Thuận	An Giang	S. Cái Lớn	-	

Ghi chú: - Không có số liệu

Trong cột H_max thực đo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong tuần qua.

1.4 Diễn biến sản xuất lúa

Năm 2026, kế hoạch xuống giống vụ lúa Hè Thu trên ĐBSCL là 1.472.822 ha, xấp xỉ diện tích xuống giống năm 2025. Ngày 24/7/2026, vùng ĐBSCL đã kết thúc xuống giống với diện tích 1.466.057 ha (đạt 99,5% so với kế hoạch), trong đó TP. Cần Thơ và tỉnh Cà Mau có diện tích xuống giống vượt kế hoạch. Đến nay diện tích đã thu hoạch trên toàn đồng bằng khoảng 1.326.888 ha (đạt 91% so với diện tích xuống giống).

Kế hoạch xuống giống vụ lúa Thu Đông năm 2026 là 763.601 ha (bao gồm cả phần diện tích ngoài vùng ĐBSCL của tỉnh Tây Ninh do chưa tách riêng được phần sản xuất lúa thuộc vùng ĐBSCL). Hiện tại đã xuống giống được 512.688 ha (tương đương 67% so với kế hoạch). Tại Cà Mau, diện tích xuống giống còn khá ít, nhưng ở một số tỉnh như Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long đã thực hiện thu hoạch được khoảng 33.422 ha, đạt 12% diện tích xuống giống của cả đồng bằng và khoảng 1/3 diện tích xuống giống tại các tỉnh Tây Ninh và Đồng Tháp, [xem 0].

Diễn biến sản xuất vụ lúa Hè Thu và Thu Đông đến ngày 25/9/2026

TT	Địa phương	Vụ Hè Thu (ha)			Vụ Thu Đông (ha)		
		Xuống giống	Thu hoạch	Chưa thu hoạch	Kế hoạch xuống giống	Xuống giống	Thu hoạch
1	Tây Ninh*	267.120	257.696	9.423	124.500	61.297	23.503
2	Đồng Tháp	216.381	208.736	7.646	149.500	123.825	42.136
3	Vĩnh Long	104.697	86.404	18.293	109.600	50.472	57
4	An Giang	499.700	417.875	81.825	247.700	175.378	-
5	Cần Thơ	284.022	284.022	-	98.250	99.764	-
6	Cà Mau	94.137	72.154	21.983	34.051	1.952	-
Tổng		1.466.057	1.326.888	139.169	763.601	512.688	65.696

* Diện tích sản xuất của cả tỉnh Tây Ninh sau sáp nhập

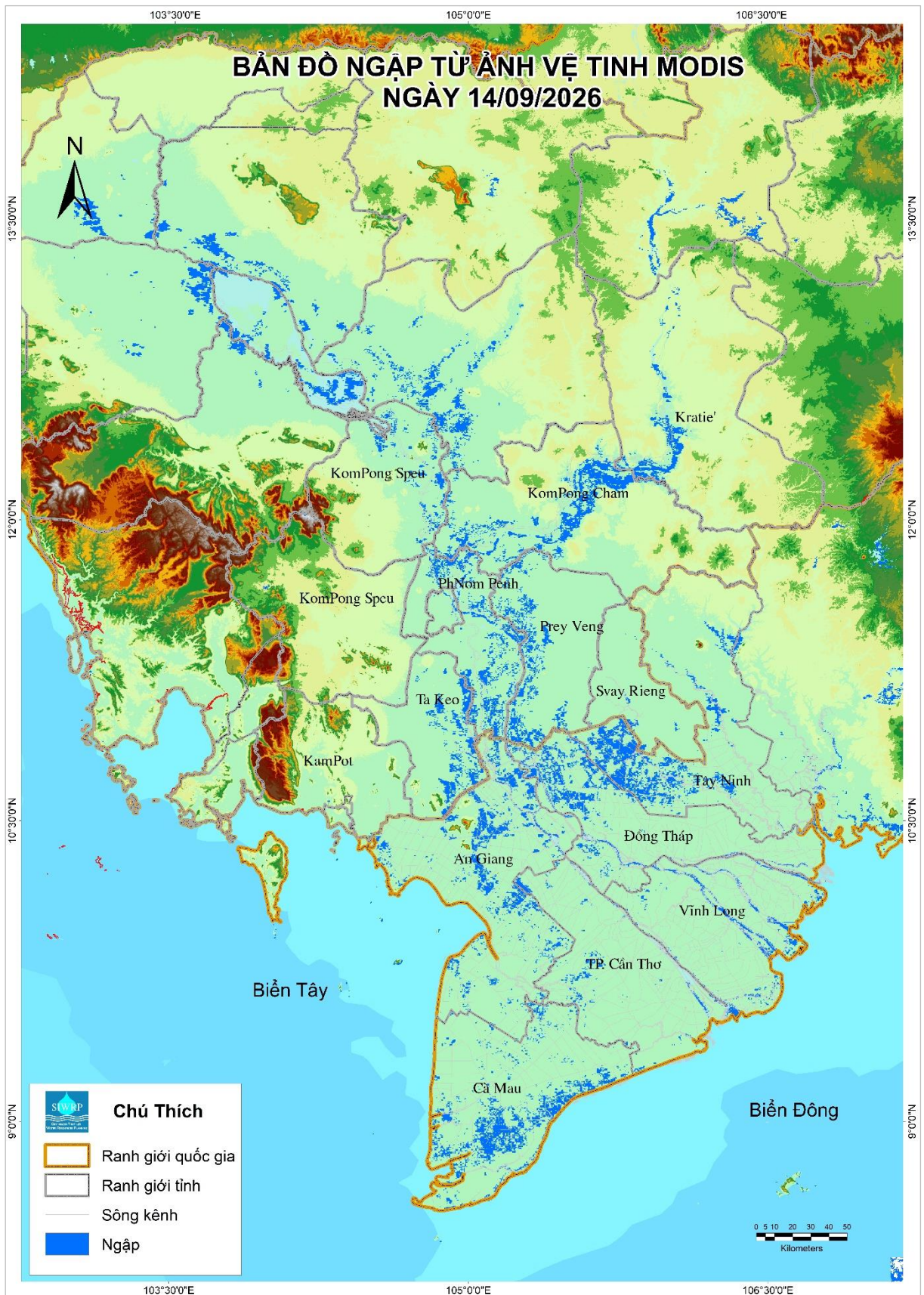
Nguồn: Cục trồng trọt và Bảo vệ thực vật

1.5 Tình hình ngập úng, thiệt hại do mưa, lũ và triều cường

Kết quả giải đoán ảnh vệ tinh MODIS ngày 14/09/2026 cho thấy, trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công đã xảy ra ngập nhiều nơi trên các khu vực trũng thấp ven sông thuộc 2 tỉnh Prey Veng và Takeo của Campuchia. Vùng ĐBSCL đã

xảy ra ngập trên diện rộng thuộc vùng Thượng ĐBSCL, ngập chủ yếu trên khu vực ô bao kiểm soát lũ tháng 8 đã thu hoạch xong lúa Hè Thu và các ô kiểm soát lũ cả năm (không sản xuất vụ Thu Đông chủ động xả lũ).

Một số khu vực thuộc các tỉnh Cà Mau, An Giang, Vĩnh Long xuất hiện các điểm ngập nước là do nuôi trồng thủy sản ở các khu vực ven biển, [xem Hình 8].



Hình 8. Bản đồ ngập giải đoán từ ảnh vệ tinh MODIS chụp ngày 14/9/2026

Tuy chưa có số liệu thống kê thiệt hại cụ thể, nhưng theo thông tin từ báo đài và thông tin từ đơn vị thực hiện nhiệm vụ tổ chức đi đo đạc kiểm tra các ô bao

bảo vệ sản xuất có nguy cơ cao bị mất an toàn bởi lũ và triều cường cho thấy, lũ chính vụ kết hợp triều cường giữa tháng 9 và cuối tháng 9 làm mực nước nội đồng dâng cao đã làm ngập úng nhiều khu vực dân sinh, làm vỡ/tràn một số ô bao bảo vệ sản xuất trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL, trong đó chủ yếu là các tỉnh vùng Giữa ĐBSCL, [xem Hình 9].

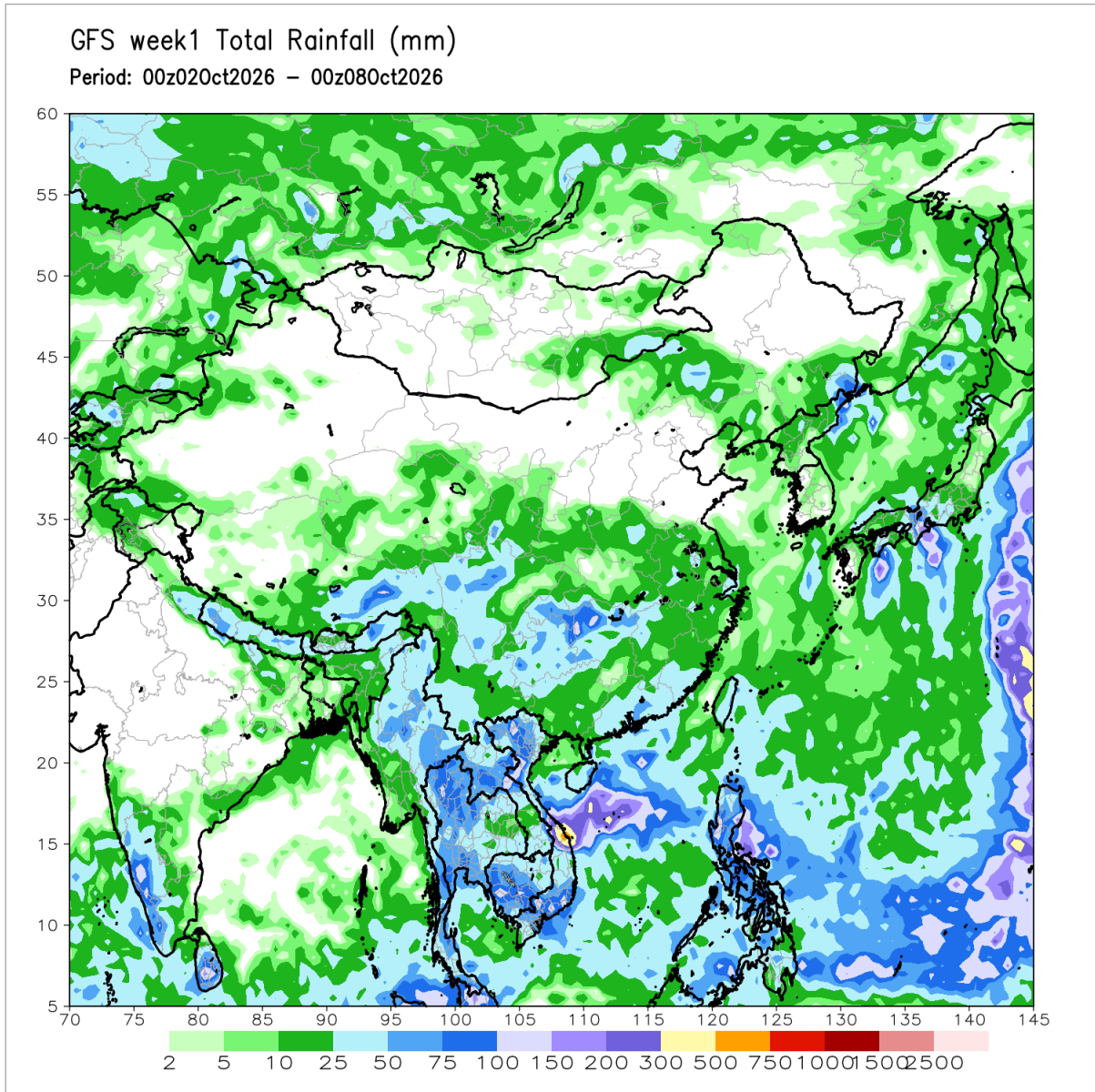


Hình 9. Hình ảnh tràn bờ bao thuộc ô bao Khu vực 5 (mã PH025), thuộc xã Thanh Hòa, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang (cũ) trong kỳ triều cường cuối tháng 9 do cán bộ đoàn công tác của Viện chụp lại vào lúc 8h00 ngày ngày 27/9/2026

II DỰ BÁO MƯA, LŨ THƯỢNG NGUỒN VÀ THỦY TRIỀU

2.1 Dự báo mưa trên lưu vực sông Mê Công

Theo kết quả dự báo của Trung tâm Đại dương và Khí quyển Quốc gia Hoa Kỳ (NOAA): Lượng mưa ngày dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công ở mức thấp, phổ biến từ 10-75 mm, chỉ một số nơi trên 75 mm, [xem Hình 10].



Nguồn: <http://www.cpc.ncep.noaa.gov>

Hình 10. Dự báo mưa lũy tích tuần tới từ ngày 02/10 - 08/10/2026 khu vực hạ lưu sông Mê Công

Theo kết quả Downscaling từ mô hình dự báo mưa toàn cầu NOAA, mưa dự báo trên vùng ĐBSCL lũy tích trong 7 ngày tới ở mức khá thấp phổ biến từ 30-80 mm và trên 80 mm, lượng mưa cao nhất tập trung vào ngày 07/10, [xem Bảng 8].

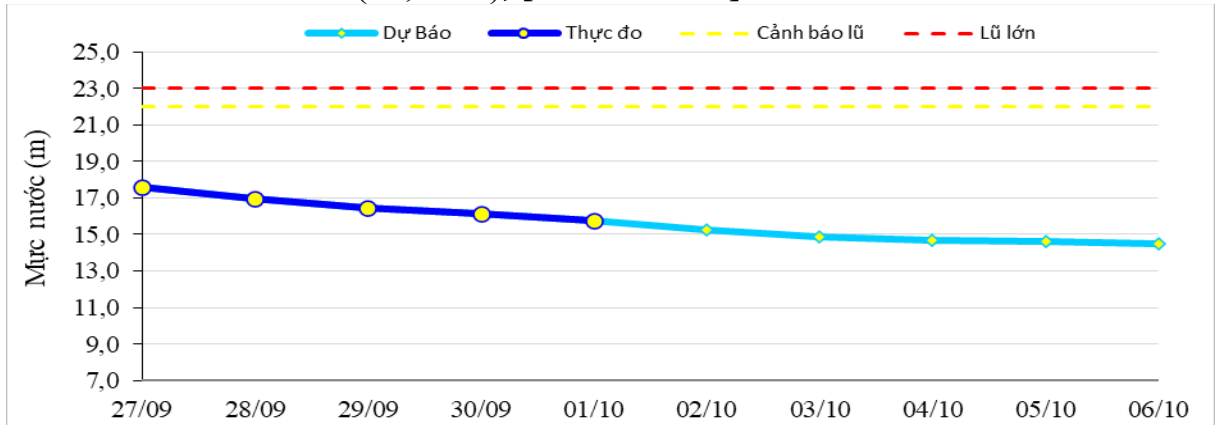
Bảng 8. Dự báo mưa 7 ngày tới tại một số trạm chính trên vùng ĐBSCL

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa dự báo (mm)							Lũy tích tuần
			02/10	03/10	04/10	05/10	06/10	07/10	08/10	
1	Mộc Hóa	Tây Ninh	66,0	3,5	2,3	0,3	14,8	24,8	7,2	118,9
2	Mỹ Tho	Đồng Tháp	8,8	3,1	0,8	0,7	3,2	17,3	4,7	38,6
3	Bến Tre	Vĩnh Long	6,6	2,4	0,9	0,8	2,1	17,5	3,0	33,3
4	Trà Vinh	Vĩnh Long	7,6	2,2	1,6	1,3	2,9	19,5	2,3	37,4

TT	Trạm	Tỉnh	Mưa dự báo (mm)							Lũy tích tuần
			02/10	03/10	04/10	05/10	06/10	07/10	08/10	
5	Vĩnh Long	Vĩnh Long	10,9	2,6	2,0	0,2	3,6	22,7	1,8	43,7
6	Cao Lãnh	Cần Thơ	33,0	2,6	5,9	0,1	8,3	21,0	2,2	73,1
7	Vị Thanh	Cần Thơ	8,0	6,1	4,5	0,9	1,2	18,4	2,4	41,5
8	Cần Thơ	Cần Thơ	5,8	4,1	2,1	0,3	0,8	21,9	0,7	35,6
9	Sóc Trăng	Cần Thơ	7,7	3,0	1,2	1,2	1,5	15,0	2,0	31,5
10	Rạch Giá	An Giang	12,9	7,9	6,3	0,0	5,1	20,5	6,0	58,8
11	Bạc Liêu	Cà Mau	7,2	1,3	2,1	2,0	4,7	14,2	6,3	37,8
12	Cà Mau	Cà Mau	10,5	7,6	3,2	0,2	0,9	10,0	7,0	39,4
Trung bình			15,4	3,9	2,7	0,7	4,1	18,6	3,8	49,1

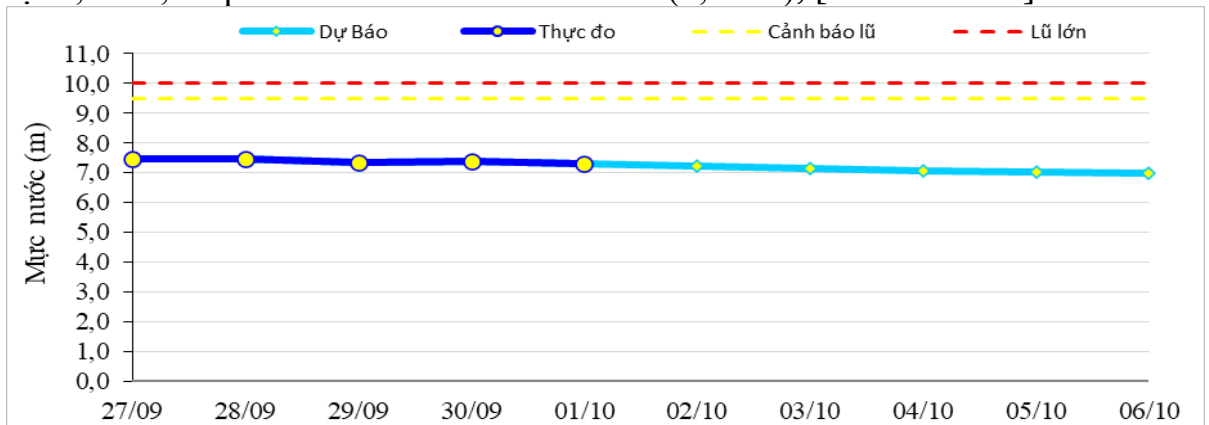
2.2 Dự báo mực nước thượng lưu

Trạm Kratie: Theo kết quả dự báo của Ủy hội sông Mê Công (MRC) cho thấy, mực nước 7 giờ tại trạm Kratie trong 5 ngày tới có xu thế giảm với cường suất trung bình 25 cm/ngày, dự báo đến ngày 06/10/2026 đạt 14,49 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (22,00 m), [xem Hình 11].



Hình 11. Dự báo mực nước 5 ngày từ 02/10-06/10/2026 tại Kratie

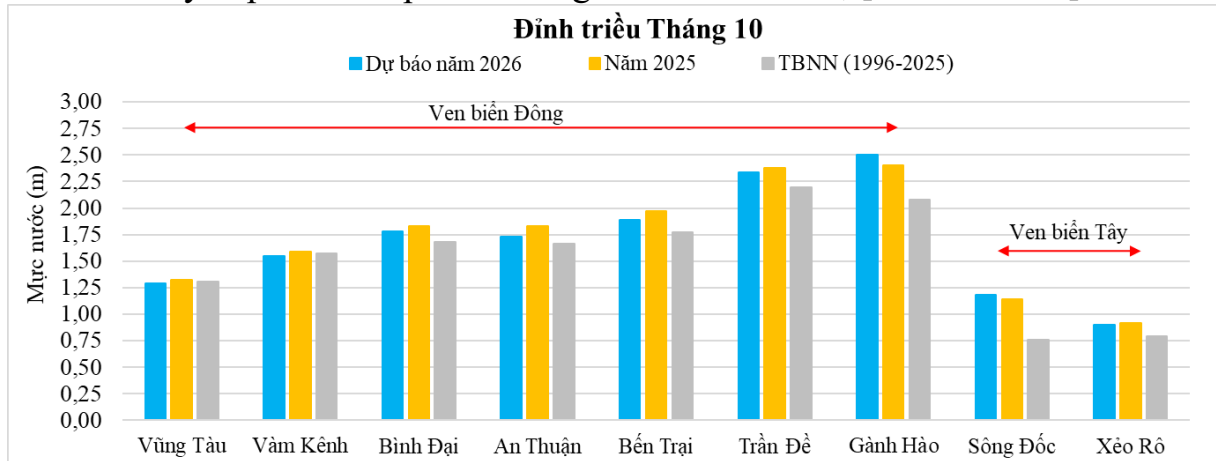
Trạm Prek Kdam: Mực nước 7 giờ tại trạm Prek Kdam trong 5 ngày tới có xu thế giảm với cường suất trung bình 6,8 cm/ngày, dự báo đến ngày 06/10/2026 đạt 6,97 m, thấp hơn nhiều mức cảnh báo lũ (9,50 m), [xem Hình 12].



Hình 12. Dự báo mực nước 5 ngày từ 02/10-06/10/2026 tại Prek Kdam

2.3 Dự báo mực nước thủy triều

Triều hiện đang ở mức trung bình và dự báo tiếp tục giảm trong 4 đến 5 ngày tới, sau đó tăng trở lại. Theo kết quả dự báo triều của viện Kỹ thuật Biển, đỉnh triều dự báo tháng 10 năm 2026 phổ biến cao hơn TBNN (1996-2025) nhưng thấp hơn cùng kỳ năm 2025. Cụ thể, cao hơn TBNN (1996-2025) bình quân khoảng 0,15 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông cao hơn 0,12 m, khu vực các trạm ven biển Tây cao hơn 0,27 m. Thấp hơn năm 2025 bình quân khoảng 0,02 m, trong đó khu vực các trạm ven biển Đông thấp hơn 0,03 m, khu vực các trạm ven biển Tây xấp xỉ và thấp hơn không nhiều năm 2025, [xem Hình 13].



Hình 13. Mực nước dự báo Max tháng 10 năm 2026 và cùng kỳ các năm

Trong tháng 10 năm 2026 có 2 đợt triều cường. Đợt 1 đỉnh rơi vào các ngày giữa tháng, đợt 2 đỉnh rơi vào các ngày cuối tháng là đỉnh cao nhất tháng 10, cao hơn khá nhiều so với đợt 1. Đỉnh triều trước đó rơi vào 28/9, tuy nhiên đến 01/10 dự báo mực nước giảm nhưng vẫn duy trì ở mức cao, nhiều trạm dự báo cao hơn đỉnh triều đợt 1 tháng 10, [xem Bảng 9].

Bảng 9. Đặc trưng mực nước triều dự báo tháng 10 năm 2026

TT	Trạm	Đỉnh triều đợt 1 (m)	Ngày đạt	Đỉnh triều đợt 2 (m)	Ngày đạt
1	Vũng Tàu	1,09	12/10	1,29	27/10
2	Vàm Kênh	1,35	11/10	1,55	28/10
3	Bình Đại	1,56	11/10	1,78	28/10
4	An Thuận	1,51	11/10	1,73	28/10
5	Bến Trại	1,63	11/10	1,89	29/10
6	Trần Đề	2,00	12/10	2,34	29/10
7	Gành Hào	2,17	10/10	2,50	30/10
8	Sông Đốc	1,00	16/10	1,18	30/10
9	Xẻo Rô	0,70	14/10	0,90	30/10

Nguồn: Viện Kỹ thuật Biển

III DỰ BÁO MỨC NƯỚC NỘI ĐỒNG VÙNG ĐBSCL

3.1 Mạng lưới trạm dự báo

Tổng số các trạm dự báo mực nước trên vùng ĐBSCL là 70 trạm, gồm 4 trạm trên dòng chính và 66 trạm trong vùng nội đồng [xem Hình 14].

- Trạm Tân Châu (trên sông Tiền), Châu Đốc (trên sông Hậu), do Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương thực hiện dự báo. Trạm Mỹ Thuận (trên sông Tiền) và Cần Thơ (trên sông Hậu) do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo.

- Trong khu vực nội đồng gồm 66 trạm do Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam dự báo được chia thành 3 vùng:

- + Vùng Thượng ĐBSCL bao gồm 22 trạm
- + Vùng Giữa ĐBSCL bao gồm 25 trạm
- + Vùng Ven Biển bao gồm 19 trạm.



Hình 14. Bản đồ vị trí các trạm dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL

3.2 Dự báo mực nước trong 10 ngày tới (từ ngày 01/10 đến 10/10/2026)

3.2.1 Vùng Thượng ĐBSCL

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại trạm Tân Châu và Châu Đốc được dự báo có xu thế giảm trong 05 ngày tới. Đến ngày 05/10/2026, tại Tân Châu đạt 3,10 m, tại Châu Đốc đạt 2,90 m.

Dự báo 10 ngày tới, mực nước các trạm trên vùng Thượng chủ yếu có xu thế giảm trở lại theo triều và lũ giảm nhưng vẫn duy trì ở mức khá cao, riêng các trạm khu vực trung tâm vùng ĐTM mực nước có xu thế tiếp tục tăng trong 3-4 ngày

tới, sau đó giảm trở lại. Kiến nghị các địa phương trên vùng ĐTM, đặc biệt trên địa bàn các huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (cũ), huyện Tân Hưng, Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (cũ) cần thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước tại các khu ô bao có cao trình thấp để kịp thời triển khai phương án gia cố các bờ bao có nguy cơ bị mất an toàn do lũ vùng này đang duy trì ở mức khá cao và tiếp tục lên do lũ đầu nguồn đổ về kết hợp mưa lớn trong các ngày tới, [xem Bảng 10].

Bảng 10. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Thượng ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H _{max} dự báo	Xu thế
1	Tân Châu*	P. Tân Châu	An Giang	S. Tiền	3,30→3,10	↓
2	Châu Đốc*	P. Châu Đốc	An Giang	S. Hậu	3,10→2,90	↓
3	Sông Trăng	Hưng Điền	Tây Ninh	K. Sông Trăng	2,40→2,20	↓
4	Vàm Đồn	Khánh Hưng	Tây Ninh	K. Cái Cỏ	2,43→2,35	↓
5	Tân Hưng	Tân Hưng	Tây Ninh	K. Hồng Ngự - LA	2,62→2,37	↓
6	Vĩnh Hưng	Vĩnh Hưng	Tây Ninh	K. 28	2,45→2,37	↓
7	Mộc Hoá	Mộc Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,77→1,74	↓
8	Tuyên Nhơn	Thanh Hóa	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,29→1,34	↑
9	T. Thới Hậu A	P. Thường Lạc	Đồng Tháp	S. Sở Thượng	3,62→3,27	↓
10	Dinh Bà	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Sở Hạ	3,11→2,35	↓
11	Tân Hồng	Tân Hộ Cơ	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	2,85→2,51	↓
12	Tân Công Sính	Tràm Chim	Đồng Tháp	K. Hồng Kỳ	2,69→2,36	↓
13	An Long	An Long	Đồng Tháp	K. Đồng Tiến	3,07→2,83	↓
14	Trường Xuân	Trường Xuân	Đồng Tháp	K. Phước Xuyên	2,28→2,17	↓
15	Mỹ An	Tháp Mười	Đồng Tháp	K. NV Tiếp	1,96→1,81	↓
16	Xuân Tô	P. Tịnh Biên	An Giang	K. Vĩnh Tế	3,17→2,87	↓
17	Khánh An	An Phú	An Giang	S. Bình Ghi	4,29→4,07	↓
18	Tri Tôn	Tri Tôn	An Giang	K. Tri Tôn	2,04→1,85	↓
19	Vàm Nao	Phú Tân	An Giang	S. Vàm Nao	2,85→2,62	↓
20	Long Xuyên	P. Long Xuyên	An Giang	S. Hậu	2,68→2,40	↓
21	Núi Sập	Thoại Sơn	An Giang	K. RG - Long Xuyên	1,82→1,76	↓
22	Vĩnh Điều	Giang Thành	An Giang	K. Vĩnh Tế	1,54→1,47	↓
23	Hòa Điền	Kiên Lương	An Giang	K. RG - Hà Tiên	0,78→0,62	↓
24	Ba Thê	Hòn Đất	An Giang	K. Ba Thê	1,66→1,61	↓

Ghi chú: * số liệu dự báo của Trung tâm khí tượng thủy văn quốc gia
Trong cột H_{max} dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

3.2.2 Vùng Giữa ĐBSCL

Dự báo 10 ngày tới, mực nước các trạm trên vùng Giữa có xu thế giảm trở lại theo triều nhưng vẫn duy trì ở mức cao trong 1 đến 2 ngày tới. Kiến nghị các địa phương vùng Giữa ĐBSCL cần đề phòng và chủ động các phương án ứng phó với nguy cơ ngập úng vẫn còn xảy ra từ nay đến hết ngày 02/10/2026. Riêng khu vực bên trong nội đồng thuộc địa bàn xã Phước Long, tỉnh Cà Mau và các Phường Vị Thanh, Phường Ngã Bảy, TP Cần Thơ nguy cơ ngập úng vẫn có thể xảy ra trong 10 ngày tới do các khu vực này có địa hình thấp trũng, khó tiêu thoát nước khi gặp mưa lớn, [xem Bảng 11].

Bảng 11. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Giữa ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	H _{max} dự báo	Xu thế
1	Cần Thơ	P. Cái Khế	Cần Thơ	S. Hậu	1,55→2,02	↑
2	Mỹ Thuận	P. Tân Ngãi	Vĩnh Long	S. Tiền	1,50→1,88	↑
3	Tân Lập	Tân Long	Tây Ninh	K. Bo Bo	1,39→1,44	↑
4	Bến Lức	Bến Lức	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Đông	1,32→1,53	↑
5	Tân An	P. Long An	Tây Ninh	S. Vàm Cỏ Tây	1,50→1,75	↑
6	Cai Lậy	Cai Lậy	Đồng Tháp	K. 12	1,81→1,70	↓
7	Long Định	Long Định	Đồng Tháp	K. Nguyễn Tấn Thành	1,47→1,32	↓
8	Mỹ Tho	P. Mỹ Tho	Đồng Tháp	S. Tiền	1,33→1,73	↑
9	Vàm Kênh	Gò Công Đông	Đồng Tháp	S. Cửa Tiểu	1,04→1,38	↑
10	Chợ Lách	Chợ Lách	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,45→1,92	↑
11	Mỹ Hóa	P. Bến Tre	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,28→1,62	↑
12	G1	Châu Thành	Vĩnh Long	S. Giao Hòa	1,12→1,48	↑
13	Cao Lãnh	Cao Lãnh	Đồng Tháp	S. Tiền	2,14→2,41	↑
14	Lai Vung	Lai Vung	Đồng Tháp	K. Hòa Long	2,31→2,13	↓
15	Ba Càng	Tam Bình	Vĩnh Long	S. Ba Càng	1,62→1,42	↓
16	G2	Quới An	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,35→1,71	↑
17	G3	Trà Ôn	Vĩnh Long	S. Măng Thít	1,68→1,43	↓
18	G4	Tân An	Vĩnh Long	S. An Trường	0,64→0,57	↓
19	Tân Hiệp	Tân Hiệp	An Giang	K. Cái Sắn	1,16→1,11	↓
20	Ô Môn	P. Ô Môn	Cần Thơ	K. Ô Môn	1,70→1,50	↓
21	Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	Cần Thơ	K. Thốt Nốt	1,42→1,32	↓
22	Vị Thanh	P. Vị Thanh	Cần Thơ	K. Xà No	1,00→0,94	↓
23	Phụng Hiệp	P. Ngã Bảy	Cần Thơ	S. Cái Côn	1,76→1,50	↓
24	Đại Ngãi	Long Phú	Cần Thơ	S. Hậu	1,90→1,40	↓
25	G5	P. Ngã Năm	Cần Thơ	K. QL - Phụng Hiệp	0,83→0,75	↓
26	Phước Long	Phước Long	Cà Mau	K. QL - Phụng Hiệp	1,09→1,03	↓
27	Giồng Riềng	Giồng Riềng	An Giang	K. Nước Mặn	0,82→0,75	↓

Ghi chú: Trong cột $H_{\max}$ dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

3.2.3 Vùng Ven Biển ĐBSCL

Dự báo 10 ngày tới, mực nước các trạm trên vùng Ven Biển có xu thế giảm trở lại theo triều xuống mức thấp, chỉ riêng khu vực trung tâm TP. Cà Mau mực nước vẫn duy trì ở mức cao trên BĐIII. Kiến nghị các địa phương khu vực nội đồng vùng Ven Biển ĐBSCL, đặc biệt các khu vực dân sinh và vùng sản xuất Tôm – Lúa có địa hình thấp trũng như vùng trung tâm tỉnh Cà Mau, các tiểu vùng thủy lợi Bắc Cà Mau, khu vực bên trong HTTL Quản Lộ - Phụng Hiệp cần đề phòng và chủ động các phương án ứng phó với nguy cơ cao ngập úng tiếp tục sẽ xảy ra trong các ngày tới do tác động của triều và mưa lớn, [xem Bảng 12].

Bảng 12. Diễn biến mực nước dự báo ở các trạm nội đồng vùng Ven Biển ĐBSCL

Đơn vị: m

TT	Trạm	Xã/Phường	Tỉnh	Sông/kênh	$H_{\max}$ dự báo	Xu thế
1	Bình Đại	Bình Đại	Vĩnh Long	S. Cửa Đại	1,07→1,41	↑
2	An Thuận	Tân Thủy	Vĩnh Long	S. Hàm Luông	1,03→1,38	↑
3	Bến Trại	Thanh Phong	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,19→1,55	↑
4	Trà Vinh	P. Hòa Thuận	Vĩnh Long	S. Cổ Chiên	1,38→1,72	↑
5	VB1	Đôn Châu	Vĩnh Long	K. Quan Chánh Bó	1,94→1,43	↓
6	Trần Đề	Trần Đề	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	2,06→1,48	↓
7	VB2	P. Khánh Hòa	Cần Thơ	S. Mỹ Thanh	1,54→1,27	↓
8	VB4	Giá Rai	Cà Mau	K. CM - Bạc Liêu	1,61→1,37	↓
9	VB3	P. Bạc Liêu	Cà Mau	S. Bạc Liêu	1,21→0,96	↓
10	Cà Mau	P. Lý Văn Lâm	Cà Mau	S. Gành Hào	1,19→1,10	↓
11	Năm Căn	Ngọc Hiển	Cà Mau	S. Cửa Lớn	1,62→1,39	↓
12	Sông Đốc	Trần Văn Thời	Cà Mau	S. Ông Đốc	1,03→0,73	↓
13	VB5	Thới Bình	Cà Mau	S. Trẹm	0,56→0,53	↓
14	Rạch Giá	P. Rạch Giá	An Giang	S. Kiên	0,79→0,70	↓
15	Xẻo Rô	Châu Thành	An Giang	S. Cái Lớn	0,90→0,59	↓
16	Vàm Răng	Hòn Đất	An Giang	K. RG - Hà Tiên	1,25→1,29	↑
17	Vàm Rây	Hòn Đất	An Giang	K. HT - Rạch Giá	1,15→1,03	↓
18	VB7	An Minh	An Giang	K. Cán Gáo	0,51→0,47	↓
19	VB6	Vĩnh Thuận	An Giang	S. Cái Lớn	0,62→0,45	↓

Ghi chú: Trong cột $H_{\max}$ dự báo: Chỉ thể hiện 2 đặc trưng lớn nhất và nhỏ nhất trong 10 ngày tới.

IV KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1 Kết luận

Hình thái thời tiết chủ đạo ảnh hưởng đến lưu vực hạ lưu sông Mê Công trong tuần qua là gió mùa Tây Nam gây mưa ở mức thấp trên lưu vực. Mức nước tại trạm Kratie trong tuần qua đã giảm xuống ở mức thấp, hiện thấp hơn khá nhiều TBNN và năm 2025. Tổng lượng lũ tại Kratie từ đầu mùa lũ đến nay lớn hơn cùng kỳ TBNN khoảng 6%, nhưng vẫn còn nhỏ hơn cùng kỳ năm 2025 khoảng 10%.

Tuần qua, mực nước đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu và Châu Đốc có xu thế tăng đến ngày 27-28/9/2026 (Châu Đốc đạt 3,21 m cao nhất từ đầu mùa lũ đến nay, Tân Châu đạt 3,48 m thấp hơn so với đỉnh 3,58 m vào giữa tháng 9 là 0,10 m), mực nước sau đó giảm trở lại đến nay, hiện mực nước đạt 3,35 m tại Tân Châu và 3,14 tại Châu Đốc. Mực nước lũ nội đồng ĐBSCL tăng và đạt đỉnh kỳ triều cường cuối tháng 9 vào các ngày 27-28/9, vùng Thượng phổ biến trên BĐI, một số trạm trên BĐII, riêng trạm Long Xuyên (tỉnh An Giang) trên BĐIII; vùng Giữa phổ biến trên BĐIII từ 0,05-0,20 m; vùng Ven Biển phổ biến từ BĐII-BĐIII, một số trạm trên BĐIII. Lũ kết hợp triều cường đã làm ngập úng nhiều khu vực dân sinh, làm vỡ/tràn một số ô bao bảo vệ sản xuất trên địa bàn các tỉnh vùng ĐBSCL, trong đó chủ yếu là các tỉnh vùng Giữa ĐBSCL.

Nếu trong 2 tuần đầu tháng 10 không xảy ra mưa, bão bất thường thì mực nước tại Tân Châu đạt 3,58 m vào ngày 13/9/2026 và tại Châu Đốc đạt 3,21m vào ngày 28/9/2026 là đỉnh lũ của năm 2026.

Mực nước dự báo 5 ngày tới trên dòng chính sông Mê Công tại trạm Kratie và trạm Prek Kdam đều có xu thế giảm; dung tích Biển Hồ trong 5 ngày tới có xu thế tăng nhẹ; mực nước lớn nhất ngày tại Tân Châu và Châu Đốc dự báo trong 5 ngày tới có xu thế giảm; mưa dự báo tuần tới trên lưu vực hạ lưu sông Mê Công ở mức trung bình đến mức thấp; mưa dự báo trên vùng ĐBSCL ở mức khá cao; thủy triều ở mức trung bình và tiếp tục tăng trong 5 ngày tới, sau đó giảm trở lại.

Trong 10 ngày tới, mực nước nội đồng vùng Thượng, vùng Giữa và vùng Ven Biển đều có xu thế giảm 4 – 5 ngày tới, sau đó tăng trở lại nhưng ở mức thấp hơn kỳ triều cường vừa qua.

4.2 Kiến nghị

- Kiến nghị các địa phương trên vùng ĐTM thuộc vùng Thượng ĐBSCL, đặc biệt trên địa bàn các huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp (cũ), huyện Tân Hưng, Vĩnh Hưng, tỉnh Long An (cũ) cần thường xuyên theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước tại các khu ô bao có cao trình thấp để kịp thời triển khai phương án gia cố các bờ bao có nguy cơ bị mất an toàn do lũ vùng này đang duy trì ở mức khá cao và dự báo tiếp tục lên do lũ đầu nguồn đổ về kết hợp mưa lớn trong các ngày tới;

- Kiến nghị các địa phương vùng Giữa ĐBSCL cần đề phòng và chủ động các phương án ứng phó với nguy cơ ngập úng vẫn còn xảy ra từ nay đến hết ngày 02/10/2026. Riêng khu vực bên trong nội đồng thuộc địa bàn xã Phước Long, tỉnh Cà Mau và các Phường Vị Thanh, Phường Ngã Bảy, TP. Cần Thơ nguy cơ ngập úng vẫn có thể xảy ra trong 10 ngày tới do các khu vực này có địa hình thấp trũng, khó tiêu thoát nước khi gặp mưa lớn;

- Kiến nghị các địa phương khu vực nội đồng vùng Ven Biển ĐBSCL, đặc biệt các khu vực dân sinh và vùng sản xuất Tôm – Lúa có địa hình thấp trũng như vùng trung tâm tỉnh Cà Mau, các tiểu vùng thủy lợi Bắc Cà Mau, khu vực bên trong HTTL Quản Lộ - Phụng Hiệp cần đề phòng và chủ động các phương án ứng phó với nguy cơ cao ngập úng tiếp tục sẽ xảy ra trong các ngày tới do tác động của triều và mưa lớn.

Tác động của mưa lũ, kết hợp triều trong các ngày tới đến sản xuất và sinh hoạt của người dân trên vùng ĐBSCL được nhận định vẫn tiếp tục diễn ra. Vì vậy, để có các thông tin kịp thời nhằm chủ động các phương án ứng phó, kiến nghị các địa phương vùng ĐBSCL phải theo dõi chặt chẽ các thông tin dự báo từ các tổ chức như MRC, Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Trung ương, Đài Khí tượng Thủy văn tỉnh, Dự báo nguồn nước vùng ĐBSCL của Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam... để kịp thời xây dựng kế hoạch ứng phó phù hợp.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Trung tâm QH&ĐTTNNQG (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT các tỉnh ĐBSCL;
- Chi cục Thủy lợi các tỉnh ĐBSCL;
- Phòng Kinh tế/Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị các xã/phường thuộc các tỉnh ĐBSCL;
- Công ty TNHH MTV Khai thác Thủy lợi Miền Nam;
- Viện trưởng (để b/c);
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG

Thông tin chi tiết liên hệ:

- | | | |
|-------------------------------------|---------------------|-----------------------------------|
| - Chủ nhiệm dự báo: Nguyễn Huy Khôi | - DD: 0913.106.641; | Email: nhkhoihl@yahoo.com |
| - Dự báo viên: Trần Mạnh Thứ | - DD: 0967.161.808; | Email: |
| Trần Đức Đông | - DD: 0989.872.205; | Email: tranducdongvn@yahoo.com.vn |